

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



**Shape the future
with confidence**

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 10
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	11
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 13
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	14
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	17
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	18 - 19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	20 - 21
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	22 - 63

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014, Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh số 03/GCN-UBCK ngày 2 tháng 4 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.431.408,95 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 54.314.089.552 đồng, mệnh giá 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 73.584.666.152 đồng, tương đương với 7.358.466,61 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ tuân thủ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Lầu 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 85/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2025, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 6 tháng 6 năm 2014
Ông Cung Trần Việt	Thành viên	Ngày 6 tháng 6 năm 2014
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên độc lập	Ngày 6 tháng 6 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Pho Hòp, chức vụ Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phần ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2026

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014, Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh số 03/GCN-UBCK ngày 2 tháng 4 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ tuân thủ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ giảm 1,02% so với ngày 31 tháng 12 năm 2025.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm:

- Cổ phiếu (cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết) của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư, có tình hình tài chính vững mạnh cùng năng lực quản trị tốt, và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng phát triển trong tương lai; và
- Các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ hoặc trái phiếu doanh nghiệp,... được đánh giá có chất lượng tín dụng tốt và đảm bảo khả năng thu hồi vốn.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy theo vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Không giới hạn.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình nhờ danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014 do UBCKNN cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 159.183.358.722 VND
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 7.358.466,61 chứng chỉ quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

9. **Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ:** Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

- Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định; giá trị tài sản ròng của Quỹ không thấp hơn 50.000.000.000 đồng. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ.
- Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định).
- Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

11. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ (tại thời điểm báo cáo)**

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ lũy kế đến thời điểm báo cáo là 3.500 VND/chứng chỉ quỹ.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. **Cơ cấu tài sản quỹ**

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 30/6/2026 (%)	Ngày 30/6/2025 (%)	Ngày 30/6/2024 (%)
Danh mục chứng khoán	67,26	66,48	66,10
Tài sản khác	32,74	33,52	33,90
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	159.183.358.722	127.779.373.298	118.724.014.313
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	7.358.466,61	6.536.425,83	6.428.177,66
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	21.632,68	19.548,81	18.469,31
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	23.043,76	19.548,81	19.090,54
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	20.676,06	16.503,26	16.092,18
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ (b)	10,66	5,84	21,32
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	61,07	(62,88)	(200,64)
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	(50,41)	68,72	221,96
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,63	2,43	2,43
14	Tốc độ vòng quay danh mục (Lần)	2,29	1,40	1,11

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Các số liệu tăng trưởng được tính cho giai đoạn 1 năm đến ngày báo cáo (từ ngày 1 tháng 7 đến 30 tháng 6).

(c) Quỹ không phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	10,66	10,66
3 năm	42,10	12,43
Từ khi thành lập	116,33	6,57

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 (%)	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (%)	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)
Tổng tăng trưởng / 1 đơn vị CCQ	10,66	5,84	21,32

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

GDP tăng trưởng cao

- GDP nửa đầu 2026 tăng trưởng ấn tượng với mức tăng ước đạt 8,18% so với năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,87%, đóng góp 5,66%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,81%, đóng góp 47,20%; khu vực dịch vụ tăng 8,09%, đóng góp 47,14%.

Sản xuất công nghiệp tăng trưởng ổn định với PMI tăng trưởng tích cực

- Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 10,8% so với năm trước (năm 2025 tăng 8,7%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 11,4% (năm 2025 tăng 10,5%), đóng góp 8,9 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,6% (năm 2025 tăng 4,1%), đóng góp 0,9 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,9% (năm 2025 tăng 10,7%), đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 5,8% (năm 2025 giảm 3,5%), đóng góp 0,9 điểm phần trăm trong mức tăng chung.
- Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index (PMI) liên tục đạt trên 50 điểm và đạt mức 51,8 điểm, đánh dấu chuỗi cải thiện điều kiện kinh doanh xuyên suốt 11 tháng.

Cán cân nhập khẩu âm nặng

- Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 549,69 tỷ USD, trong đó xuất khẩu tăng 21,0%; nhập khẩu tăng 33,4%. Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 16,65 tỷ USD, cùng kỳ năm trước xuất siêu 7,1 tỷ USD.
- Tình hình xuất, nhập khẩu nửa đầu năm 2026 chịu tác động bởi giá cả đầu vào cao do 2 yếu tố: 1) cuộc chiến Mỹ-Iran đã đẩy giá dầu lên mức gần 120 USD/thùng khiến giá trị nhập khẩu nhóm năng lượng tăng hơn 100% so với năm trước, kéo theo là việc tăng giá cước vận tải khiến giá trị nhập khẩu của các mặt hàng khác tăng mạnh; 2) giá chip thế giới neo cao do tác động của AI khiến việc nhập khẩu của hai nhóm hàng chính là máy tính, điện tử và máy móc, thiết bị chịu ảnh hưởng nặng nề.

Nguồn vốn FDI đăng ký tăng mạnh

- Trong 6 tháng đầu năm, Việt Nam đã thu hút 34,65 tỷ USD vốn FDI đăng ký, tăng 61,0% so với cùng kỳ năm trước. Vốn FDI giải ngân trong 6 tháng đạt 13,03 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục là mức thực hiện cao nhất trong vòng 5 năm.
- Nhóm ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm phần lớn với 82,6% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện và chủ yếu đến từ Singapore và Trung Quốc.

Lạm phát chịu áp lực bởi giá dầu thế giới

- CPI 6 tháng đầu năm tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản 6 tháng đầu năm tăng 4,12% so với cùng kỳ năm 2025. CPI nửa đầu năm 2026 tăng mạnh do giá nhóm nhà ở, vật liệu xây dựng tăng 6,72% và giá nhóm giao thông tăng 5,23% do biến động của giá dầu thế giới bởi cuộc xung đột Mỹ-Iran.

Huy động không theo kịp tốc độ tăng trưởng tín dụng

- Tính đến ngày 26/6/2026, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt trên 19,97 triệu tỷ đồng, tăng 7,41% so với cuối năm 2025, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2025. Về huy động vốn của các tổ chức tín dụng chỉ tăng 5,02% so với cuối năm 2025 (thấp hơn mức tăng 6,11% của cùng kỳ năm trước) gây áp lực lên thanh khoản hệ thống ngân hàng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

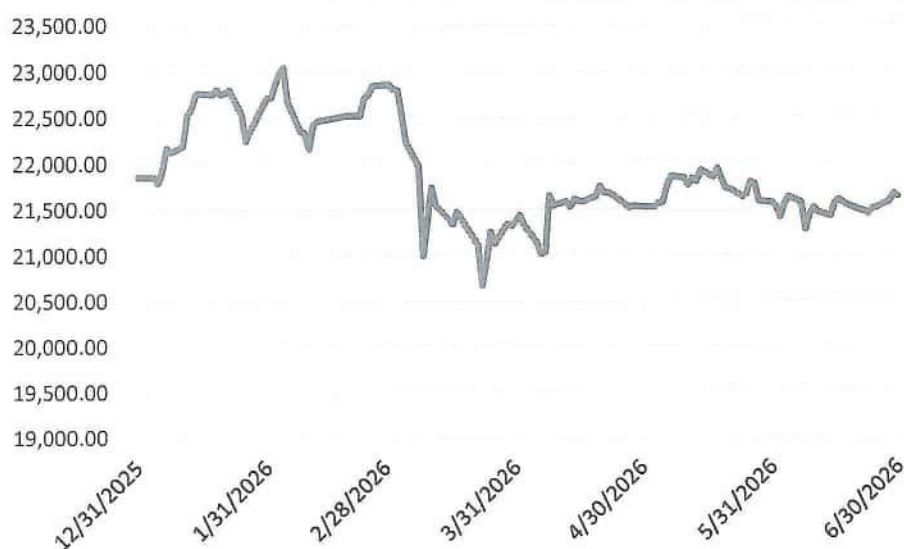
1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/ 1 đơn vị CCQ	(50,41)	169,39	831,73
Tăng trưởng vốn/ 1 đơn vị CCQ	61,07	(127,29)	(715,40)
Tổng tăng trưởng/ 1 đơn vị CCQ	10,66	42,10	116,33
Tăng trưởng hàng năm/ 1 đơn vị CCQ	10,66	12,43	6,57

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	159.183.358.722	155.556.615.801	2,33
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	21.632,68	21.854,99	(1,02)

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ của Quỹ:



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	1.117	491.453,23	6,68
Từ 5.000 đến 10.000	31	230.619,57	3,13
Từ 10.000 đến 50.000	23	440.941,17	5,99
Từ 50.000 đến 500.000	5	730.394,20	9,93
Trên 500.000	2	5.465.058,44	74,27
Tổng cộng	1.178	7.358.466,61	100,00

3. Chi phí ngầm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

1. Triển vọng thị trường

- GDP Quý 2 tăng trưởng tích cực 8,39% so với cùng kỳ năm trước, tạo cơ sở giữ vững mục tiêu tăng trưởng 10% trong năm 2026.
- Đầu tư công tiếp tục là động lực cho mục tiêu tăng trưởng cao với sự kỳ vọng ở các dự án metro, đường sắt, năng lượng...;
- Theo thông lệ, FTSE sẽ chính thức mua vào cổ phiếu đợt đầu tiên trong tháng 09/2026 sau quyết định nâng hạng.
- Giá nhiên liệu thế giới điều chỉnh mạnh trong cuối quý 2 đưa áp lực lạm phát trong nước tạm thời dịu lại, cộng với hàng loạt các chính sách của Ngân hàng Nhà nước về việc bổ sung thanh khoản cho hệ thống trong bối cảnh thúc đẩy mạnh các dự án công được kỳ vọng mặt bằng lãi suất sẽ dần ổn định.

2. Kế hoạch hoạt động của Quỹ

- Quỹ dự kiến duy trì tỷ lệ giải ngân ở mức thận trọng trước bối cảnh xu hướng lãi suất chưa có tín hiệu đảo chiều.
- Quỹ ưu tiên nắm giữ các cổ phiếu hưởng lợi từ chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước đặc biệt trong bối cảnh địa chính trị thế giới chưa ổn định.
- Trong ngắn hạn, Quỹ tiếp tục theo dõi kết quả kinh doanh quý 2 của các doanh nghiệp với nhiều yếu tố bất định đã tác động, cơ hội đầu tư mang tính chọn lọc cao khi định giá một số cổ phiếu đã chiết khấu về vùng hấp dẫn theo quan điểm của Quỹ.
- Trong trung hạn, tiếp tục duy trì vị thế của các cổ phiếu nằm trong nhóm được kỳ vọng hưởng lợi mạnh mẽ từ dòng vốn ngoại sau khi nâng hạng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Phạm Phở Hợp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt
Bán niên năm 2026



Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt (“Quỹ VCAMBF”). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ VCAMBF đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ VCAMBF đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ VCAMBF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ VCAMBF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, Quỹ VCAMBF không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư. 

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Bà Nguyễn Thị Minh Châu
Phó Giám đốc
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt
Nam CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Bà Trần Thị Thảo Trang
Phó trưởng phòng Định chế tài chính
và Lưu ký chứng khoán



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13662545/E-70160387/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("Quỹ") được lập ngày 11 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 14 đến trang 63, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		421.279.077	5.619.139.234
02	1.1 Cổ tức được chia	14	1.004.458.000	688.943.000
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	1.513.657.577	732.010.434
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	15	3.797.968.666	7.604.052.751
05	1.4 Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	16	(5.894.805.166)	(3.405.866.951)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		542.130.204	254.151.927
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	17	542.130.204	254.151.927
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.555.849.599	1.215.723.093
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	25.1	949.748.766	718.526.320
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	18	235.907.515	178.183.060
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	25.2	33.000.000	33.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	25.2	99.000.000	99.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		79.200.000	79.200.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		59.506.828	59.506.828
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	19	99.486.490	48.306.885
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		(1.676.700.726)	4.149.264.214
30	V. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(1.676.700.726)	4.149.264.214
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		4.218.104.440	7.555.131.165
32	6.2 Lỗ chưa thực hiện	16	(5.894.805.166)	(3.405.866.951)
40	VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VII. (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(1.676.700.726)	4.149.264.214

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026

Dung

Bà Phạm Trần Quỳnh Dung
Kế toán Quỹ

Quynh

Bà Trần Đỗ Quynh
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Phô Hốp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	9.446.760.417	24.602.069.026
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		2.446.760.417	9.469.701.254
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		7.000.000.000	15.132.367.772
120	2. Các khoản đầu tư thuần		151.132.867.826	132.344.244.255
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	151.132.867.826	132.344.244.255
130	3. Các khoản phải thu		647.222.670	1.571.782.559
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư	6	-	1.386.517.100
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		647.222.670	185.265.459
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	7	647.222.670	185.265.459
100	TỔNG TÀI SẢN		161.226.850.913	158.518.095.840
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	8	1.705.334.170	2.559.127.942
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ về mua bán chứng chỉ quỹ	9	4.663.044	94.930.497
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.866.426	3.156.801
315	4. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư		407.334	407.334
316	5. Chi phí phải trả	10	102.486.318	81.200.000
317	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		16.800.000	10.000.000
318	7. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		11.296	958.495
319	8. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	11	211.923.603	211.698.970
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		2.043.492.191	2.961.480.039

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		159.183.358.722	155.556.615.801
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	12	73.584.666.152	71.176.706.752
412	1.1 Vốn góp phát hành		156.920.828.352	151.979.263.152
413	1.2 Vốn góp mua lại		(83.336.162.200)	(80.802.556.400)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	12	14.804.099.572	11.908.615.325
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	70.794.592.998	72.471.293.724
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ	12	21.632,68	21.854,99
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ			
442	1. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này		21.452.073.549	21.452.073.549

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	21	7.358.466,61	7.117.670,67

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026


Bà Phạm Trần Quỳnh Dung
Kế toán Quỹ


Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Phò Hop
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (“NAV”) đầu kỳ	155.556.615.801	123.975.994.784
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	(1.676.700.726)	4.149.264.214
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	(1.676.700.726)	4.149.264.214
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	5.303.443.647	(345.885.700)
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	10.937.346.237	6.636.757.920
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(5.633.902.590)	(6.982.643.620)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	159.183.358.722	127.779.373.298

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026

Bà Phạm Trần Quỳnh Dung
Kế toán Quỹ

Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Phò Hop
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết	3.361.087		105.443.263.100	65,40
1	ABB	165.000	18.500	3.052.500.000	1,89
2	ACB	483.500	22.650	10.951.275.000	6,79
3	BSR	70.000	24.150	1.690.500.000	1,05
4	BVH	17.000	64.600	1.098.200.000	0,68
5	BWE	35.000	45.000	1.575.000.000	0,98
6	CTG	90.664	33.950	3.078.042.800	1,91
7	DCM	50.000	35.200	1.760.000.000	1,09
8	FOX	40.000	74.200	2.968.000.000	1,84
9	FPT	55.083	70.200	3.866.826.600	2,40
10	GEX	30.000	31.450	943.500.000	0,58
11	HAH	30.000	52.200	1.566.000.000	0,97
12	HPG	176.000	23.300	4.100.800.000	2,54
13	HVN	14	23.500	329.000	0,00
14	MBB	313.316	25.200	7.895.563.200	4,90
15	MSN	55.000	72.100	3.965.500.000	2,46
16	MWG	40.000	78.100	3.124.000.000	1,94
17	NLG	120.000	26.150	3.138.000.000	1,95
18	NTP	40.000	50.300	2.012.000.000	1,25
19	NVB	301.800	14.500	4.376.100.000	2,71
20	PHP	40.000	39.500	1.580.000.000	0,98
21	POW	300.000	14.700	4.410.000.000	2,73
22	PVI	30.000	74.500	2.235.000.000	1,39
23	REE	29.210	49.650	1.450.276.500	0,90
24	SSI	100.000	26.750	2.675.000.000	1,66
25	STB	100.000	73.800	7.380.000.000	4,58
26	TCB	85.000	33.500	2.847.500.000	1,77
27	TLG	45.000	49.150	2.211.750.000	1,37
28	VCB	80.000	62.200	4.976.000.000	3,09
29	VGC	45.000	45.000	2.025.000.000	1,26
30	VHM	7.000	151.800	1.062.600.000	0,66
31	VIC	5.000	220.000	1.100.000.000	0,68
32	VIX	200.000	16.900	3.380.000.000	2,10
33	VNM	27.500	54.800	1.507.000.000	0,93
34	VPB	135.000	27.000	3.645.000.000	2,26
35	VPL	20.000	89.800	1.796.000.000	1,11

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (%)
II	Cổ phiếu chưa niêm yết	37.500		3.000.000.000	1,86
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	37.500	80.000	3.000.000.000	1,86
III	Các tài sản khác			647.222.670	0,40
1	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư			647.222.670	0,40
IV	Tiền			52.136.365.143	32,34
1	Tiền gửi ngân hàng			52.136.365.143	32,34
	Trong đó:				
1.1	- Tiền và tương đương tiền			9.446.760.417	5,86
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng			42.689.604.726	26,48
V	Tổng giá trị danh mục			161.226.850.913	100,00

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026



Bà Phạm Trần Quỳnh Dung
Kế toán Quỹ



Bà Trần Đỗ Quyền
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Phú Hạp
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế TNDN		(1.676.700.726)	4.149.264.214
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		5.916.091.484	3.405.866.951
03	Trong đó:			
03	Lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	5.894.805.166	3.405.866.951
04	Chi phí trích trước		21.286.318	-
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		4.239.390.758	7.555.131.165
20	Tăng các khoản đầu tư		(24.683.428.737)	(31.749.719.802)
06	Giảm/(tăng)phải thu về bán các khoản đầu tư		1.386.517.100	(907.137.250)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(461.957.211)	(169.572.346)
10	(Giảm)/tăng phải trả về mua các khoản đầu tư		(853.793.772)	522.487.556
11	Giảm phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ		(90.267.453)	(47.928.566)
13	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(1.290.375)	(126.203)
14	Tăng/(giảm) phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		6.800.000	(17.000.000)
15	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		(947.199)	942.718
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		-	(8.034.287)
17	Tăng/(giảm)phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		224.633	(11.521.703)
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(20.458.752.256)	(24.832.478.718)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	10.937.346.237	6.636.757.920
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(5.633.902.590)	(6.982.643.620)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		5.303.443.647	(345.885.700)
40	III. Giảm tiền thuần trong kỳ		(15.155.308.609)	(25.178.364.418)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		24.602.069.026	36.319.888.666
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		24.602.069.026	36.319.888.666
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		24.561.069.026	36.174.888.666
	Trong đó:			
	- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	9.428.701.254	5.921.831.589
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	15.132.367.772	30.253.057.077
53	Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	4	41.000.000	145.000.000
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		9.446.760.417	11.141.524.248
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		9.446.760.417	11.141.524.248
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		9.427.960.417	11.000.524.248
	Trong đó:			
	- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	2.427.960.417	6.924.179.663
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	7.000.000.000	4.076.344.585
58	Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	4	18.800.000	141.000.000
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		(15.155.308.609)	(25.178.364.418)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026

Dung

Bà Phạm Trần Quỳnh Dung
Kế toán Quỹ

Quên

Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng

Pho Hop

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014, Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh số 03/GCN-UBCK ngày 2 tháng 4 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, Lầu 5, Tòa nhà HM, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 10 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 85/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 9 năm 2025 và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 đồng, tương đương với 5.000.000 chứng chỉ quỹ. Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.431.408,95 chứng chỉ với tổng giá trị là 54.314.089.552 đồng, mệnh giá 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 73.584.666.152 đồng, tương đương với 7.358.466,61 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc bằng cách đầu tư vào cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ tuân thủ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi tùy theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và được báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Chiến lược đầu tư

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm:

- Cổ phiếu (cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết) của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư, có tình hình tài chính vững mạnh cùng năng lực quản trị tốt, và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng phát triển trong tương lai; và
- Các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ hoặc trái phiếu doanh nghiệp,... được đánh giá có chất lượng tín dụng tốt và đảm bảo khả năng thu hồi vốn.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư: Quỹ đầu tư đa dạng vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm.

Kỳ xác định giá trị tài sản ròng (“NAV”)

NAV của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Ngày định giá là ngày làm việc trong tuần (với kỳ định giá hàng ngày) và là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo (với kỳ định giá hàng tháng).

Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần. Ngày giao dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Trữ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản đầu tư dưới đây:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; và
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và/hoặc các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; và
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM



1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền.
- i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- iv. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục 29 ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục 29 ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC;
- v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- vi. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- e) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản dưới đây, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm dưới đây hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản dưới đây và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm dưới đây hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán.
- i. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục 29 ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục 29 ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC.
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ :
- i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- iii. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục 29 ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục 29 ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC;
- iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- v. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ VCAMBF;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và phải bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; và
 - ii. Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; và
 - iii. Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.
- l) Không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư được quy định tại điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;
- c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.3*).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư giữa niên độ, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ báo cáo

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng và chứng chỉ tiền gửi.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") ngày 29 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước Ngày Định Giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán theo hợp đồng tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá hoặc giá thị trường có nhiều biến động với mức biến động tăng hoặc giảm lớn hơn một phần trăm (1%) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua bình quân gia quyền nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất, thì giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: • Giá mua bình quân gia quyền cộng lãi lũy kế; hoặc • Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc • Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt chấp thuận. - Trường hợp trái phiếu bị hủy bỏ niêm yết theo quy định của pháp luật thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày định giá nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế; - Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá mua cộng lãi lũy kế; • Mệnh giá cộng lãi lũy kế. • Giá xác định theo phương pháp được trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. <i>Ghi chú:</i> (*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	- Giá được xác định là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán của ngày giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao Dịch Chứng Khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên thực hiện từ trên xuống dưới như sau: + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao Dịch Chứng Khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng ba mươi (30) ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở Giao Dịch Chứng Khoán	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
11.	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở Giao Dịch Chứng Khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua, hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
14.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng chỉ quỹ (tiếp theo)		
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sổ Giao Dịch Chứng Khoán	Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
17.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sổ Giao Dịch Chứng Khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
18.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng quyền có bảo đảm		
19.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao Dịch Chứng Khoán của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
20.	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
21.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá xác định theo phương pháp, mô hình lý thuyết được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 *Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn đến hai (2) số thập phân.

3.5 *Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn*

3.5.1 *Vốn chủ sở hữu*

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bằng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bằng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.5.3 *Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư*

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận phân phối*" vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

B06q-QM

[illegible]

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% (không phẩy không ba phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính (trích lập) vào các ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức giá dịch vụ quản trị Quỹ tối thiểu là 15.000.000 (mười lăm triệu) Đồng Việt Nam/tháng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.3 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định là 12.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá có thể thay đổi theo thời điểm, được điều chỉnh và cập nhật cho Nhà đầu tư tại Bản cáo bạch căn cứ vào hợp đồng và các phụ lục sửa đổi bổ sung được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.4 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát Quỹ là 0,02% (không phẩy không hai phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ giám sát Quỹ được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ giám sát quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Mức giá dịch vụ giám sát Quỹ tối thiểu là 5.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.5 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký Quỹ là 0,06% (không phẩy không sáu phần trăm) một năm tính trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký được tính (trích lập) vào các Ngày định giá thực hiện trong tháng và trả cho Ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký hàng tháng trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cuối tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát và lưu ký cho Quỹ. Mức giá dịch vụ lưu ký Quỹ tối thiểu là 20.000.000 Đồng Việt Nam/tháng.

3.8.6 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu là 50.000 đồng/ngày có giao dịch thành công và công thức tính là 0,03% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán chưa niêm yết/chưa đăng ký giao dịch thì mức phí tối thiểu là 100.000 đồng/ngày có giao dịch thành công và công thức tính là 0,01% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với trái phiếu thì mức phí tối thiểu 50.000 đồng/ngày có giao dịch thành công và công thức tính là 0,01% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với các khoản đầu tư khác thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát là 100.000 đồng/ngày phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả lợi tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả lợi tức cho Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo quy định hiện hành. Theo đó, khi Quỹ trả lợi tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật. Đồng thời, khi Quỹ trả lợi tức cho nhà đầu tư là cá nhân (không phân biệt cá nhân trong nước hay nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (cư trú và không cư trú) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định hiện hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty quản lý Quỹ sẽ không phải khấu trừ thuế và nộp thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu trái tức, tiền lãi các khoản đầu tư, và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	2.427.960.417	9.428.701.254
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ	18.800.000	41.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng bằng VND	7.000.000.000	15.132.367.772
- Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	-	2.132.367.772
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.000.000.000	10.000.000.000
	9.446.760.417	24.602.069.026

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch tăng/ (giảm) thuần VND	
Ngày 30 tháng 6 năm 2026						
Cổ phiếu niêm yết	99.951.177.165	105.443.263.100	10.170.291.568	(4.678.205.633)	5.492.085.935	105.443.263.100
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	42.689.604.726	42.689.604.726	-	-	-	42.689.604.726
	145.640.781.891	151.132.867.826	10.170.291.568	(4.678.205.633)	5.492.085.935	151.132.867.826
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Cổ phiếu niêm yết	95.178.484.099	106.484.375.200	14.643.002.438	(3.337.111.337)	11.305.891.101	106.484.375.200
Quyền mua cổ phiếu	-	81.000.000	81.000.000	-	81.000.000	81.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	25.778.869.055	25.778.869.055	-	-	-	25.778.869.055
	120.957.353.154	132.344.244.255	14.724.002.438	(3.337.111.337)	11.386.891.101	132.344.244.255
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập giữa niên độ					(5.894.805.166)	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. PHẢI THU VỀ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải thu về bán các khoản đầu tư	-	1.386.517.100

Phải thu về bán các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải thu cho việc bán các khoản đầu tư được thanh toán chậm nhất vào lúc 12h của ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch (12h ngày T+2) theo quy chế của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

7. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Dự thu cổ tức	92.875.000	-
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	554.347.670	185.265.459
	647.222.670	185.265.459

8. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả về mua các khoản đầu tư	1.705.334.170	2.559.127.942

Phải trả về mua các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán chậm nhất vào lúc 12h của ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch (12h ngày T+2) theo quy chế của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC").

9. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VỀ MUA BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả công ty quản lý Quỹ	4.663.044	94.930.497

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phí kiểm toán	59.506.828	65.000.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	40.500.000	16.200.000
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước	2.479.490	-
	102.486.318	81.200.000

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý quỹ	156.212.769	155.315.801
Phải trả phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	20.000.000	20.000.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát quỹ	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	510.834	1.183.169
	211.923.603	211.698.970

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026		
	Số đầu kỳ VND	Phát sinh trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	15.197.926,31	494.156,52	15.692.082,83
Giá trị ghi theo mệnh giá	151.979.263.152	4.941.565.200	156.920.828.352
Thặng dư vốn	68.440.675.242	5.995.781.037	74.436.456.279
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	220.419.938.394	10.937.346.237	231.357.284.631
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(8.080.255,64)	(253.360,58)	(8.333.616,22)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(80.802.556.400)	(2.533.605.800)	(83.336.162.200)
Thặng dư vốn	(56.532.059.917)	(3.100.296.790)	(59.632.356.707)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(137.334.616.317)	(5.633.902.590)	(142.968.518.907)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	7.117.670,67	240.795,94	7.358.466,61
Giá trị vốn góp hiện hành	83.085.322.077	5.303.443.647	88.388.765.724
Lợi nhuận chưa phân phối	72.471.293.724	(1.676.700.726)	70.794.592.998
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	155.556.615.801		159.183.358.722
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	21.854,99		21.632,68

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	72.471.293.724	53.410.536.900
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế trong kỳ	(1.676.700.726)	19.060.756.824
Trong đó:		
- Lợi nhuận đã thực hiện	4.218.104.440	22.015.061.290
- Lỗ chưa thực hiện	(5.894.805.166)	(2.954.304.466)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	70.794.592.998	72.471.293.724

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

14. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Cổ tức được chia	1.004.458.000	688.943.000
Tiền lãi được nhận	1.513.657.577	732.010.434
	2.518.115.577	1.420.953.434

15. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	181.032.705.600	177.234.736.934	3.797.968.666
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	88.451.118.000	80.847.065.249	7.604.052.751

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

16. CHÊNH LỆCH GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	99.951.177.165	105.443.263.100	5.492.085.935	11.305.891.101	(5.813.805.166)
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
Quyền mua cổ phiếu	-	-	-	81.000.000	(81.000.000)
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng	42.689.604.726	42.689.604.726	-	-	-
	145.640.781.891	151.132.867.826	5.492.085.935	11.386.891.101	(5.894.805.166)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ VND
Cổ phiếu niêm yết	76.104.211.884	86.640.540.500	10.536.328.616	14.341.195.567	(3.804.866.951)
Quyền mua cổ phiếu	-	399.000.000	399.000.000	-	399.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng	31.613.285.051	31.613.285.051	-	-	-
	107.717.496.935	118.652.825.551	10.935.328.616	14.341.195.567	(3.405.866.951)



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên công ty chứng khoán	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)/ (5)	(7)	(8)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	100.174.784.600	361.420.135.600	27,72	0,15	0,15
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không liên quan	79.992.481.000	361.420.135.600	22,13	0,15	0,15
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Bên liên quan	27.245.570.000	361.420.135.600	7,54	0,15	0,15
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Không liên quan	80.679.090.000	361.420.135.600	22,32	0,15	0,15
5	Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	Không liên quan	73.328.210.000	361.420.135.600	20,29	0,15	0,15
Tổng			361.420.135.600		100,00		



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

17. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	270.581.142	121.475.252
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	271.549.062	132.676.675
	542.130.204	254.151.927

18. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát	120.000.000	120.000.000
Phí giao dịch chứng khoán và xử lý hồ sơ trả cho Ngân hàng Giám sát	110.226.060	54.037.554
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	5.681.455	4.145.506
	235.907.515	178.183.060

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	90.000.000	36.000.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban chứng khoán Nhà nước	2.479.490	4.958.885
Phí ngân hàng	7.007.000	5.698.000
Chi phí khác	-	1.650.000
	99.486.490	48.306.885

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026:

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
1	31-12-2025	155.556.615.801	7.117.670,67	21.854,99	
2	01-01-2026	155.555.708.609	7.117.670,67	21.854,86	(0,13)
3	04-01-2026	155.552.986.029	7.117.670,67	21.854,48	(0,38)
4	05-01-2026	155.085.383.693	7.117.361,61	21.789,73	(64,75)
5	06-01-2026	156.124.882.926	7.122.928,49	21.918,64	128,91
6	07-01-2026	157.910.120.071	7.122.681,94	22.170,04	251,40
7	08-01-2026	157.582.455.940	7.123.285,82	22.122,16	(47,88)
8	11-01-2026	158.064.562.745	7.122.291,34	22.192,94	70,78
9	12-01-2026	160.299.582.548	7.119.549,85	22.515,41	322,47
10	13-01-2026	160.915.755.347	7.120.775,73	22.598,07	82,66
11	14-01-2026	162.087.038.274	7.124.271,49	22.751,38	153,31
12	15-01-2026	162.151.199.766	7.123.240,69	22.763,68	12,30
13	18-01-2026	163.148.105.783	7.170.429,10	22.752,91	(10,77)
14	19-01-2026	163.591.357.337	7.173.395,07	22.805,29	52,38
15	20-01-2026	163.237.130.276	7.174.986,79	22.750,86	(54,43)
16	21-01-2026	163.500.167.282	7.180.431,71	22.770,24	19,38
17	22-01-2026	163.755.955.359	7.181.839,28	22.801,40	31,16
18	25-01-2026	161.867.847.518	7.183.206,66	22.534,20	(267,20)
19	26-01-2026	159.793.323.188	7.183.229,18	22.245,33	(288,87)
20	27-01-2026	161.011.026.818	7.204.631,08	22.348,27	102,94
21	28-01-2026	161.662.413.778	7.205.740,79	22.435,22	86,95
22	29-01-2026	162.800.733.866	7.223.070,86	22.538,99	103,77
23	31-01-2026	164.764.940.939	7.253.606,15	22.714,90	175,91
24	01-02-2026	164.763.872.288	7.253.606,15	22.714,75	(0,15)
25	02-02-2026	165.998.540.478	7.262.283,21	22.857,62	142,87
26	03-02-2026	167.033.655.901	7.268.533,14	22.980,38	122,76
27	04-02-2026	167.441.939.369	7.266.260,16	23.043,76	63,38
28	05-02-2026	164.619.101.162	7.260.889,26	22.672,03	(371,73)
29	08-02-2026	160.537.064.904	7.183.194,33	22.348,98	(323,05)
30	09-02-2026	160.455.083.400	7.184.286,85	22.334,17	(14,81)
31	10-02-2026	159.133.216.006	7.181.318,01	22.159,33	(174,84)
32	11-02-2026	161.034.816.209	7.181.525,69	22.423,48	264,15
33	12-02-2026	161.377.017.647	7.185.273,50	22.459,41	35,93
34	19-02-2026	161.862.289.501	7.187.378,16	22.520,35	60,94
35	22-02-2026	161.861.688.527	7.187.378,16	22.520,27	(0,08)
36	23-02-2026	163.254.857.009	7.189.541,73	22.707,27	187,00
37	24-02-2026	163.577.631.028	7.190.980,59	22.747,61	40,34
38	25-02-2026	164.277.132.749	7.191.302,26	22.843,86	96,25
39	26-02-2026	164.481.580.926	7.199.033,26	22.847,73	3,87
40	28-02-2026	164.755.678.147	7.208.593,64	22.855,45	7,72
41	01-03-2026	164.755.334.386	7.208.593,64	22.855,41	(0,04)
42	02-03-2026	164.555.338.724	7.214.538,35	22.808,85	(46,56)
43	03-03-2026	164.865.313.686	7.232.444,77	22.795,24	(13,61)
44	04-03-2026	163.379.100.346	7.251.911,35	22.529,11	(266,13)
45	05-03-2026	161.273.811.247	7.253.337,74	22.234,43	(294,68)
46	08-03-2026	159.825.247.904	7.275.068,51	21.968,90	(265,53)
47	09-03-2026	152.825.679.888	7.280.639,34	20.990,70	(978,20)
48	10-03-2026	155.763.429.821	7.284.503,40	21.382,85	392,15
49	11-03-2026	158.526.498.312	7.292.098,44	21.739,49	356,64
50	12-03-2026	157.126.811.425	7.295.013,83	21.538,93	(200,56)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
51	15-03-2026	156.472.039.282	7.312.572,90	21.397,67	(141,26)
52	16-03-2026	156.090.944.253	7.313.607,42	21.342,54	(55,13)
53	17-03-2026	157.118.427.441	7.316.475,63	21.474,61	132,07
54	18-03-2026	156.764.603.996	7.321.379,12	21.411,90	(62,71)
55	19-03-2026	156.164.378.389	7.321.640,21	21.329,15	(82,75)
56	22-03-2026	154.548.257.488	7.320.464,66	21.111,81	(217,34)
57	23-03-2026	151.313.737.964	7.318.305,52	20.676,06	(435,75)
58	24-03-2026	153.292.197.865	7.322.480,88	20.934,46	258,40
59	25-03-2026	156.030.414.353	7.341.314,80	21.253,74	319,28
60	26-03-2026	155.108.559.077	7.342.088,92	21.125,94	(127,80)
61	29-03-2026	156.712.322.478	7.342.946,16	21.341,89	215,95
62	30-03-2026	156.635.663.213	7.346.582,58	21.320,89	(21,00)
63	31-03-2026	157.050.164.095	7.347.852,41	21.373,61	52,72
64	01-04-2026	157.545.527.364	7.348.412,03	21.439,40	65,79
65	02-04-2026	156.771.221.332	7.350.296,28	21.328,56	(110,84)
66	05-04-2026	155.435.093.740	7.352.724,85	21.139,79	(188,77)
67	06-04-2026	154.470.922.112	7.353.103,96	21.007,58	(132,21)
68	07-04-2026	155.213.822.658	7.378.036,42	21.037,28	29,70
69	08-04-2026	159.727.075.228	7.377.967,24	21.649,20	611,92
70	09-04-2026	158.871.675.660	7.375.123,40	21.541,56	(107,64)
71	12-04-2026	159.212.866.476	7.375.423,58	21.586,95	45,39
72	13-04-2026	158.802.318.895	7.375.435,24	21.531,25	(55,70)
73	14-04-2026	159.396.686.587	7.375.918,66	21.610,42	79,17
74	15-04-2026	159.234.068.703	7.375.371,49	21.589,97	(20,45)
75	16-04-2026	159.249.535.224	7.377.330,18	21.586,34	(3,63)
76	19-04-2026	159.626.042.093	7.375.390,36	21.643,06	56,72
77	20-04-2026	160.468.719.634	7.376.216,17	21.754,88	111,82
78	21-04-2026	160.004.240.913	7.380.571,99	21.679,11	(75,77)
79	22-04-2026	160.055.201.921	7.381.953,20	21.681,96	2,85
80	23-04-2026	159.912.392.463	7.384.683,66	21.654,60	(27,36)
81	27-04-2026	158.916.567.760	7.384.405,33	21.520,56	(134,04)
82	28-04-2026	159.034.921.268	7.385.215,18	21.534,23	13,67
83	30-04-2026	159.112.254.696	7.391.244,71	21.527,13	(7,10)
84	03-05-2026	159.115.848.548	7.391.244,71	21.527,61	0,48
85	04-05-2026	159.425.326.176	7.392.355,62	21.566,24	38,63
86	05-05-2026	159.594.913.803	7.395.886,31	21.578,88	12,64
87	06-05-2026	160.960.262.010	7.396.532,56	21.761,58	182,70
88	07-05-2026	161.701.901.533	7.397.161,21	21.859,99	98,41
89	10-05-2026	161.588.306.942	7.397.442,98	21.843,81	(16,18)
90	11-05-2026	160.986.388.425	7.397.447,24	21.762,42	(81,39)
91	12-05-2026	161.571.131.867	7.398.843,15	21.837,35	74,93
92	13-05-2026	161.329.624.165	7.399.161,80	21.803,77	(33,58)
93	14-05-2026	162.218.917.571	7.398.824,06	21.924,96	121,19
94	17-05-2026	160.885.691.307	7.363.545,62	21.848,94	(76,02)
95	18-05-2026	161.490.799.848	7.359.469,55	21.943,27	94,33
96	19-05-2026	160.657.125.881	7.358.900,61	21.831,67	(111,60)
97	20-05-2026	159.848.551.251	7.357.733,38	21.725,24	(106,43)
98	21-05-2026	159.885.200.144	7.361.584,12	21.718,86	(6,38)
99	24-05-2026	159.245.967.709	7.361.996,65	21.630,81	(88,05)
100	25-05-2026	159.519.819.488	7.363.076,07	21.664,83	34,02

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
101	26-05-2026	160.512.034.836	7.364.656,64	21.794,91	130,08
102	27-05-2026	160.333.563.512	7.363.351,22	21.774,54	(20,37)
103	28-05-2026	158.990.324.594	7.366.036,19	21.584,24	(190,30)
104	31-05-2026	158.863.637.137	7.364.860,96	21.570,49	(13,75)
105	01-06-2026	158.602.070.145	7.365.687,55	21.532,55	(37,94)
106	02-06-2026	157.759.468.330	7.366.384,97	21.416,13	(116,42)
107	03-06-2026	158.740.098.046	7.365.945,24	21.550,54	134,41
108	04-06-2026	159.279.839.211	7.362.656,67	21.633,47	82,93
109	07-06-2026	158.825.571.678	7.363.172,56	21.570,26	(63,21)
110	08-06-2026	156.677.950.203	7.363.519,53	21.277,59	(292,67)
111	09-06-2026	157.883.931.621	7.364.391,65	21.438,83	161,24
112	10-06-2026	158.421.326.793	7.364.554,82	21.511,32	72,49
113	11-06-2026	157.962.503.304	7.360.201,99	21.461,71	(49,61)
114	14-06-2026	157.646.837.438	7.359.702,47	21.420,27	(41,44)
115	15-06-2026	158.708.716.692	7.358.840,45	21.567,08	146,81
116	16-06-2026	158.949.581.664	7.358.932,96	21.599,54	32,46
117	17-06-2026	158.726.557.142	7.359.255,39	21.568,29	(31,25)
118	18-06-2026	158.516.684.098	7.359.122,91	21.540,16	(28,13)
119	21-06-2026	158.103.689.254	7.359.215,38	21.483,77	(56,39)
120	22-06-2026	158.008.990.861	7.358.270,02	21.473,66	(10,11)
121	23-06-2026	157.821.873.379	7.358.076,02	21.448,80	(24,86)
122	24-06-2026	158.169.192.883	7.357.243,92	21.498,43	49,63
123	25-06-2026	158.244.661.614	7.357.508,08	21.507,92	9,49
124	28-06-2026	158.763.666.710	7.356.913,24	21.580,20	72,28
125	29-06-2026	159.438.867.298	7.359.402,88	21.664,65	84,45
126	30-06-2026	159.183.358.722	7.358.466,61	21.632,68	(31,97)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 159.658.784.380

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất (978,20)

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất (0,04)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
1	31-12-2024	123.975.994.784	6.560.126,42	18.898,42	
2	01-01-2025	123.973.113.747	6.560.126,42	18.897,98	(0,44)
3	02-01-2025	124.046.945.711	6.565.865,70	18.892,70	(5,28)
4	05-01-2025	122.539.846.376	6.566.824,37	18.660,44	(232,26)
5	06-01-2025	121.675.988.948	6.566.789,77	18.528,99	(131,45)
6	07-01-2025	121.836.245.728	6.562.269,82	18.566,17	37,18
7	08-01-2025	121.886.933.925	6.561.709,30	18.575,49	9,32
8	09-01-2025	121.728.465.863	6.566.798,02	18.536,96	(38,53)
9	12-01-2025	120.679.092.542	6.567.508,05	18.375,17	(161,79)
10	13-01-2025	121.158.920.738	6.567.450,88	18.448,39	73,22
11	14-01-2025	120.597.260.851	6.568.158,29	18.360,89	(87,50)
12	15-01-2025	120.965.371.791	6.567.040,76	18.420,07	59,18
13	16-01-2025	121.252.043.652	6.564.391,05	18.471,18	51,11
14	19-01-2025	122.184.382.001	6.562.054,35	18.619,84	148,66
15	20-01-2025	122.472.706.698	6.561.823,28	18.664,43	44,59
16	21-01-2025	122.102.480.140	6.532.772,18	18.690,76	26,33
17	22-01-2025	121.889.765.529	6.532.875,73	18.657,90	(32,86)
18	23-01-2025	123.462.976.740	6.537.434,80	18.885,54	227,64
19	30-01-2025	123.653.409.826	6.541.176,86	18.903,85	18,31
20	31-01-2025	123.651.028.828	6.541.176,86	18.903,48	(0,37)
21	02-02-2025	123.645.843.808	6.541.176,86	18.902,69	(0,79)
22	03-02-2025	122.048.611.979	6.541.545,57	18.657,46	(245,23)
23	04-02-2025	123.066.315.308	6.547.334,95	18.796,40	138,94
24	05-02-2025	122.926.143.185	6.527.890,75	18.830,91	34,51
25	06-02-2025	123.116.104.817	6.527.996,47	18.859,71	28,80
26	09-02-2025	123.488.045.611	6.528.735,06	18.914,54	54,83
27	10-02-2025	122.478.939.742	6.527.697,73	18.762,96	(151,58)
28	11-02-2025	123.047.327.722	6.527.446,20	18.850,76	87,80
29	12-02-2025	122.194.851.107	6.493.712,31	18.817,41	(33,35)
30	13-02-2025	122.367.599.539	6.499.163,88	18.828,21	10,80
31	16-02-2025	122.608.095.379	6.499.216,72	18.865,06	36,85
32	17-02-2025	122.134.007.869	6.498.726,96	18.793,53	(71,53)
33	18-02-2025	122.521.247.593	6.498.002,69	18.855,22	61,69
34	19-02-2025	123.032.852.806	6.498.161,00	18.933,49	78,27
35	20-02-2025	123.293.199.744	6.498.161,00	18.973,55	40,06
36	23-02-2025	123.166.864.685	6.484.805,95	18.993,15	19,60
37	24-02-2025	123.347.669.269	6.483.655,24	19.024,40	31,25
38	25-02-2025	123.311.375.583	6.484.483,60	19.016,38	(8,02)
39	26-02-2025	123.684.141.002	6.485.516,57	19.070,82	54,44
40	27-02-2025	123.852.167.020	6.488.254,67	19.088,67	17,85
41	28-02-2025	122.748.998.040	6.452.973,74	19.022,08	(66,59)
42	02-03-2025	122.744.107.526	6.452.973,74	19.021,32	(0,76)
43	03-03-2025	123.137.302.641	6.454.595,53	19.077,46	56,14
44	04-03-2025	123.210.375.428	6.439.419,48	19.133,77	56,31
45	05-03-2025	122.458.842.548	6.439.679,48	19.016,29	(117,48)
46	06-03-2025	123.604.076.256	6.438.593,81	19.197,37	181,08
47	09-03-2025	123.818.579.381	6.438.173,25	19.231,94	34,57
48	10-03-2025	123.548.203.357	6.426.813,34	19.223,87	(8,07)
49	11-03-2025	123.548.521.114	6.422.075,45	19.238,10	14,23
50	12-03-2025	123.131.880.451	6.425.988,32	19.161,55	(76,55)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
51	13-03-2025	122.317.334.239	6.426.247,95	19.034,02	(127,53)
52	16-03-2025	121.510.390.660	6.425.455,92	18.910,78	(123,24)
53	17-03-2025	121.998.935.637	6.425.007,53	18.988,14	77,36
54	18-03-2025	121.450.775.510	6.426.081,74	18.899,66	(88,48)
55	19-03-2025	120.563.330.837	6.423.707,35	18.768,50	(131,16)
56	20-03-2025	120.772.014.376	6.432.295,66	18.775,88	7,38
57	23-03-2025	121.199.271.294	6.445.756,01	18.802,96	27,08
58	24-03-2025	121.821.964.289	6.451.338,90	18.883,21	80,25
59	25-03-2025	121.792.999.442	6.451.865,92	18.877,17	(6,04)
60	26-03-2025	121.432.816.198	6.453.447,19	18.816,74	(60,43)
61	27-03-2025	121.341.067.050	6.455.316,46	18.797,07	(19,67)
62	30-03-2025	120.778.354.747	6.458.431,24	18.700,88	(96,19)
63	31-03-2025	120.169.595.857	6.458.963,30	18.605,09	(95,79)
64	01-04-2025	120.610.863.935	6.448.558,78	18.703,54	98,45
65	02-04-2025	120.690.096.773	6.448.496,56	18.716,01	12,47
66	03-04-2025	114.590.672.266	6.450.198,49	17.765,45	(950,56)
67	07-04-2025	113.498.446.375	6.442.816,57	17.616,28	(149,17)
68	08-04-2025	108.207.962.966	6.443.098,97	16.794,40	(821,88)
69	09-04-2025	106.554.310.467	6.456.561,28	16.503,26	(291,14)
70	10-04-2025	111.836.353.338	6.460.982,74	17.309,50	806,24
71	13-04-2025	115.422.995.419	6.472.623,09	17.832,49	522,99
72	14-04-2025	116.947.893.107	6.479.448,65	18.049,05	216,56
73	15-04-2025	116.183.829.906	6.479.229,28	17.931,74	(117,31)
74	16-04-2025	114.655.876.049	6.479.231,35	17.695,91	(235,83)
75	17-04-2025	115.511.285.074	6.479.533,26	17.827,10	131,19
76	20-04-2025	113.928.684.320	6.388.049,01	17.834,66	7,56
77	21-04-2025	113.270.614.383	6.388.049,31	17.731,64	(103,02)
78	22-04-2025	113.069.626.635	6.386.125,43	17.705,51	(26,13)
79	23-04-2025	113.862.758.121	6.386.801,02	17.827,82	122,31
80	24-04-2025	114.308.476.990	6.386.912,75	17.897,30	69,48
81	27-04-2025	114.646.586.450	6.384.030,02	17.958,34	61,04
82	28-04-2025	114.684.507.011	6.384.750,28	17.962,25	3,91
83	30-04-2025	114.899.152.586	6.384.861,16	17.995,56	33,31
84	01-05-2025	114.896.936.538	6.384.861,16	17.995,21	(0,35)
85	04-05-2025	114.890.288.031	6.384.861,16	17.994,17	(1,04)
86	05-05-2025	115.863.259.343	6.385.248,49	18.145,46	151,29
87	06-05-2025	115.989.978.822	6.385.766,09	18.163,83	18,37
88	07-05-2025	116.444.016.590	6.386.697,36	18.232,27	68,44
89	08-05-2025	117.410.277.241	6.384.846,11	18.388,90	156,63
90	11-05-2025	117.578.244.334	6.388.549,81	18.404,53	15,63
91	12-05-2025	118.589.227.939	6.389.214,82	18.560,85	156,32
92	13-05-2025	119.677.402.067	6.389.536,45	18.730,22	169,37
93	14-05-2025	120.572.173.249	6.389.855,18	18.869,31	139,09
94	15-05-2025	120.921.946.332	6.389.625,00	18.924,73	55,42
95	18-05-2025	119.894.503.081	6.389.301,73	18.764,88	(159,85)
96	19-05-2025	119.553.228.041	6.389.443,73	18.711,05	(53,83)
97	20-05-2025	120.517.128.612	6.390.161,59	18.859,79	148,74
98	21-05-2025	121.272.130.766	6.389.405,27	18.980,19	120,40
99	22-05-2025	120.938.510.803	6.390.663,42	18.924,25	(55,94)
100	25-05-2025	121.078.709.918	6.388.704,25	18.952,00	27,75

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo):

STT	Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/ đơn vị quỹ VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
101	26-05-2025	121.936.512.488	6.390.792,68	19.080,03	128,03
102	27-05-2025	122.773.821.055	6.392.561,97	19.205,73	125,70
103	28-05-2025	122.575.780.386	6.392.717,37	19.174,28	(31,45)
104	29-05-2025	122.417.644.991	6.392.976,92	19.148,77	(25,51)
105	31-05-2025	121.501.973.323	6.394.172,77	19.001,98	(146,79)
106	01-06-2025	121.499.620.939	6.394.172,77	19.001,62	(0,36)
107	02-06-2025	121.852.162.660	6.394.172,98	19.056,75	55,13
108	03-06-2025	122.907.537.704	6.402.981,83	19.195,36	138,61
109	04-06-2025	122.612.479.606	6.403.635,68	19.147,32	(48,04)
110	05-06-2025	122.374.073.779	6.404.311,22	19.108,08	(39,24)
111	08-06-2025	121.508.760.825	6.405.946,80	18.968,12	(139,96)
112	09-06-2025	121.160.995.657	6.405.901,70	18.913,96	(54,16)
113	10-06-2025	121.389.377.702	6.404.984,26	18.952,33	38,37
114	11-06-2025	121.711.135.311	6.406.454,26	18.998,21	45,88
115	12-06-2025	122.808.947.080	6.406.398,45	19.169,73	171,52
116	15-06-2025	121.986.127.444	6.403.510,14	19.049,88	(119,85)
117	16-06-2025	123.440.115.408	6.402.861,89	19.278,90	229,02
118	17-06-2025	123.939.399.721	6.403.068,33	19.356,25	77,35
119	18-06-2025	123.788.908.883	6.403.068,33	19.332,75	(23,50)
120	19-06-2025	123.612.803.154	6.401.496,34	19.309,99	(22,76)
121	22-06-2025	123.503.032.925	6.399.962,36	19.297,46	(12,53)
122	23-06-2025	123.383.963.008	6.399.949,07	19.278,90	(18,56)
123	24-06-2025	123.937.030.502	6.399.998,92	19.365,16	86,26
124	25-06-2025	126.893.362.079	6.554.450,00	19.359,88	(5,28)
125	26-06-2025	126.787.899.131	6.532.003,42	19.410,26	50,38
126	29-06-2025	127.143.027.408	6.535.504,67	19.454,20	43,94
127	30-06-2025	127.779.373.298	6.536.425,83	19.548,81	94,61
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ				120.800.658.259	
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất				(950,56)	
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất				(0,35)	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 Chứng chỉ Quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Chứng chỉ Quỹ
Số lượng Chứng chỉ quỹ lưu hành đến 1 năm	1.681.270,56	1.596.037,84
Số lượng Chứng chỉ quỹ lưu hành trên 1 năm	5.677.196,05	5.521.632,83
	7.358.466,61	7.117.670,67

22. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,63	2,43
Tốc độ vòng quay danh mục (Lần)	2,29	1,40

22.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính giữa niên độ, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

22.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính giữa niên độ, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với bội số 2.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ}) / 2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

23. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

23.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng là tài sản có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp.

(ii) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(iii) *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 105.443.263.100 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng hoặc giảm 4,23% (tỷ lệ thay đổi chỉ số VN-Index tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 so với ngày 31 tháng 12 năm 2025) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ tăng hoặc giảm tương ứng là 4.461.790.650 đồng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM



23. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

23.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	9.446.760.417	9.446.760.417	24.602.069.026	24.602.069.026
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	2.446.760.417	2.446.760.417	9.469.701.254	9.469.701.254
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	7.000.000.000	7.000.000.000	15.132.367.772	15.132.367.772
Các khoản đầu tư	151.132.867.826	151.132.867.826	132.344.244.255	132.344.244.255
- Cổ phiếu niêm yết	105.443.263.100	105.443.263.100	106.484.375.200	106.484.375.200
- Quyền mua cổ phiếu	-	-	81.000.000	81.000.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	42.689.604.726	42.689.604.726	25.778.869.055	25.778.869.055
Các khoản phải thu	647.222.670	647.222.670	1.571.782.559	1.571.782.559
	161.226.850.913	161.226.850.913	158.518.095.840	158.518.095.840
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	1.705.334.170	1.705.334.170	2.559.127.942	2.559.127.942
Phải trả cho các Đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ về mua bán chứng chỉ quỹ	4.663.044	4.663.044	94.930.497	94.930.497
Phải trả thu nhập cho nhà đầu tư	407.334	407.334	407.334	407.334
Chi phí phải trả	102.486.318	102.486.318	81.200.000	81.200.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	16.800.000	16.800.000	10.000.000	10.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	11.296	11.296	958.495	958.495
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	211.923.603	211.923.603	211.698.970	211.698.970
	2.041.625.765	2.041.625.765	2.958.323.238	2.958.323.238

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

25.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	Phí dịch vụ quản lý quỹ mở	949.748.766	718.526.320
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Thù lao	90.000.000	36.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ	Phí môi giới	40.868.357	9.473.123
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ	Thu nhập từ lãi tiền gửi kỳ hạn	984.599.547	471.396.072

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

25.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở Phí phát hành và mua lại CCQ phải trả	156.212.769 4.663.044	155.315.801 94.930.497
Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại diện Quỹ	Phải trả thù lao	40.500.000	16.200.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ	Tiền gửi có kỳ hạn Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	29.689.604.726 249.827.121	28.778.869.055 175.963.245
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả phí môi giới	-	1.475.955

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

25.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>		<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	
		<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	4.955.413,19	67,34	4.952.901,61	69,59
Bên liên quan khác		484.688,19	6,59	450.308,22	6,32
		5.440.101,38	73,93	5.403.209,83	75,91

25.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá phí lưu ký xử lý hồ sơ đối với giao dịch chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch tối thiểu là 50.000 đồng/ngày có giao dịch thành công và công thức tính là 0,03% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán chưa niêm yết/chưa đăng ký giao dịch thì mức phí tối thiểu là 100.000 đồng/ngày có giao dịch thành công và công thức tính là 0,01% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với trái phiếu thì mức phí tối thiểu 50.000 đồng/ngày có giao dịch thành công và công thức tính là 0,01% tổng giá trị giao dịch thành công trong ngày. Đối với các khoản đầu tư khác thì mức phí dịch vụ giao dịch chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát là 100.000 đồng/ngày phát sinh giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	236.805.794	3.857.063
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	99.000.000	99.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	120.000.000	120.000.000
Phí dịch vụ giám sát quỹ	33.000.000	33.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	110.226.060	54.037.554
Phí ngân hàng	7.007.000	5.698.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

25.2 Các hợp đồng then chốt khác (tiếp theo)

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tiền gửi thanh toán	2.427.960.417	9.428.701.254
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ	18.800.000	41.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	7.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	15.095.891	3.904.110
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	20.000.000	20.000.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000	16.500.000
Phải trả dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	510.834	1.183.169

26. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2026

Bà Phạm Trần Quỳnh Dung
Kế toán Quỹ

Bà Trần Đỗ Quyên
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Phò Hạp
Tổng Giám đốc